

Bản án số: 08/2021/DS - ST.

Ngày: 25 - 02 - 2021.

V/v “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG P, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Kim Phước
2. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Buól – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Từ ngày 22 tháng 02 đến ngày 25 tháng 02 N 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 7 N 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 N 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh N 1954; Địa chỉ: Số 46, ấp Hòa H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh N 1960; Địa chỉ: Ấp Hòa H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hà Văn A, sinh N 1960; Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

+ Ông Hà Thanh T; Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Văn B, sinh N 1960; Địa chỉ: Số 120, ấp Hòa H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

+ Ông Trần Văn M, sinh N 1966; Địa chỉ: Số 40, ấp Hòa H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ph, sinh N 1966; Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hùng A sinh N 1959; Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

+ Ông Trần Hoàng Kh Địa chỉ: ấp Hòa H, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2020 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Nguyên bà N có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ cụ thể như sau: Ngày 25/4/2013, hụi 1.000.000 đồng, bà N đã hốt và đóng cho bà được 03 lần thì ngưng đóng; Ngày 14/4/2013, hụi 1.000.000 đồng, bà N đã hốt và đóng cho bà được 02 lần thì ngưng đóng. Tổng số tiền hụi bà N còn nợ của bà là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Ngoài ra, bà N và ông A có vay của bà số tiền là 46.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu với bà, hiện nay bà N, ông A còn nợ của bà số tiền hụi và số tiền vay là 90.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà N phải trả cho bà 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà bổ sung yêu cầu buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị N phải cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn A phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc là 90.000.000 đồng trong đó tiền vay là 46.000.000 đồng và tiền lãi là 44.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà N, ông A phải có trách nhiệm trả cho bà tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2018 cho đến nay là 20.000.000 đồng và yêu cầu được trả một lần.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà thừa nhận hiện nay còn nợ của bà N số tiền là 90.000.000 đồng tiền gốc. Bị đơn trả lời đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn cụ thể đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền là 90.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2018 cho đến nay là 20.000.000 đồng. Nhưng yêu cầu trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà xác định số tiền 90.000.000 đồng là tiền gốc trong đó tiền vay là 46.000.000 đồng và tiền hụi là 44.000.000 đồng. Ngoài ra, số tiền 90.000.000 đồng là tiền nợ của bà N, ông A nợ bà N, không có liên quan đến ông T. Số tiền này bà sử dụng mục đích trong gia đình, ông A đều biết nên bà và ông A có trách nhiệm trả cho bà N số tiền trên theo quy định của pháp luật nhưng yêu cầu được trả làm nhiều lần và mỗi tháng trả là 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N. Ông đồng ý cùng bà N phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà N số tiền 90.000.000 đồng là tiền gốc trong đó tiền vay là 46.000.000 đồng và tiền hụi là 44.000.000 đồng và lãi là 20.000.000 đồng và yêu

cầu được trả trả làm nhiều lần, mỗi tháng trả là 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự N 2015; khoản 2 Điều 26; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Hà Văn A phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Trong đó tiền gốc là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) bao gồm số tiền vay là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) và số tiền hui là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và được miễn án phí

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa có sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị N, ông Hà Văn T và người làm chứng là Trần Văn B, Trần Văn M, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Hùng A Trần Hoàng Khem. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không cản trở cho việc xét xử nên căn cứ vào Điều 227, 228 và 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bổ sung buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 90.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi. Xét thấy, việc bổ sung yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] **Trong** quá trình giải quyết vụ án cũng như theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bà N, ông A phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 90.000.000 đồng trong đó tiền vay là 46.000.000 đồng và tiền hui là 44.000.000 đồng. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A, ông Hà Văn T không phản đối tình tiết trên của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A phải trả cho nguyên đơn số tiền là 90.000.000 đồng trong đó

tiền vay là 46.000.000 đồng và tiền hui là 44.000.000 đồng, yêu cầu phải trả một lần. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A thống nhất trả cho nguyên đơn số tiền trên nhưng yêu cầu được trả nhiều lần và mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Xét thấy, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A là người có lỗi để vi phạm hợp đồng nên đối chiếu với Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự N 2015 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 90.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A phải trả cho nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018. Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền trên nên đối chiếu với Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng tiền lãi là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông A sinh N 1960 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên đối chiếu với điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long P đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự N 2015

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Hà Văn A phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Trong đó

tiền gốc là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) bao gồm số tiền vay là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) và số tiền hụi là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị N cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Nguyễn Thị N, ông Hà Văn A không trả số tiền nêu trên cho bà Nguyễn Thị N thì hàng tháng bà Nguyễn Thị N, ông Hà Văn A còn phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N, ông Hà Văn A phải chịu 5.500.000 đồng (N triệu N trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng bà Nguyễn Thị N, ông Hà Văn A, sinh N 1960 là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Như vậy, bà Nguyễn Thị N, ông Hà Văn A được miễn 5.500.000 đồng (N triệu N trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

### ***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Long P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TA tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS,VP).

**DƯƠNG THỊ THANH HOA**